

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 3 và 3 tháng năm 2018

Tình hình kinh tế - xã hội Thành phố quý 1 năm 2018 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế toàn cầu có nhiều chuyển biến tích cực. Giá cả hàng hoá thế giới, trong đó có giá dầu và nhiên liệu duy trì đà tăng; thu hút vốn đầu tư có yếu tố nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh; thị trường tài chính, tiền tệ thế giới phục hồi, ít chịu ảnh hưởng từ các biến động chính trị. Kinh tế trong nước có nhiều khởi sắc: xuất khẩu tăng mạnh (đặc biệt là mặt hàng rau củ quả); chứng khoán đạt mức tăng trưởng cao nhất trong các thị trường Châu Á; thu hút dự án đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng.

Thành phố tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; rà soát phân bổ vốn đầu tư, tập trung ứng vốn cho dự án tuyến đường sắt Bến Thành – Suối Tiên; triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để xây dựng đô thị thông minh, cụ thể hoá việc thực hiện Nghị quyết 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, tạo động lực cho Thành phố phát triển nhanh hơn nữa trong những năm về sau.

Quý 1/2018: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước tăng 7,64% so năm trước (cùng kỳ quý 1/2017 tăng 7,46%). Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 6,05% so cùng kỳ năm trước; tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 255.769 tỷ đồng, tăng 12,3% so cùng kỳ; tổng vốn đầu tư xã hội đạt 65.317 tỷ đồng, tăng 8,5% so cùng kỳ (quý 1/2017 tăng 6,3%), so với GRDP bằng 25,1%; tổng thu cân đối ngân Nhà nước đạt 90.630 tỷ đồng, đạt 24,05% dự toán, tăng 2,24% so cùng kỳ; nguồn thu thuế từ hoạt động xuất nhập khẩu giảm 6,8% do việc cắt giảm một số mặt hàng về thuế suất 0% theo các Hiệp định đã ký; tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) ước thực hiện 10.364 tỷ đồng, đạt 11,93% dự toán, tăng 30,04% so cùng kỳ; tổng dư nợ tín dụng đến 1/3/2018 tăng 2,59% so với 31/12/2017; chỉ số chứng khoán VN-Index lần đầu tiên sau 11 năm vượt ngưỡng 1.180 điểm.

I. TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP quý 1 năm 2018 ước đạt 260.317 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt **197.221 tỷ đồng, tăng 7,64%** so năm trước, cao hơn mức tăng 7,46% của quý 1 năm 2017.

Mức tăng trưởng 7,64% được xem là mức tăng cao nhất trong 3 quý 1 từ 2016 đến 2018, cho thấy kinh tế Thành phố đang phát triển ổn định. Trong mức tăng trưởng chung 7,64% của kinh tế Thành phố: khu vực nông lâm thủy sản tăng 5,83%, đóng góp

0,04 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,25%, đóng góp 1,98 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ tăng 7,98%, đóng góp 4,62 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,09%, đóng góp 1,0 điểm phần trăm.

Tổng sản phẩm trên địa bàn quý 1 năm 2018

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010		Đóng góp vào mức tăng (%)
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	Chỉ số phát triển so với năm 2017 (%)	
Tổng số	260.317	100,0	197.221	107,64	7,64
<i>Phân theo khu vực</i>					
- Nông, lâm, thủy sản	1.846	0,71	1.253	105,83	0,04
- Công nghiệp và xây dựng	68.621	26,36	53.744	107,25	1,98
+ Công nghiệp	58.980	22,66	46.208	107,05	1,66
+ Xây dựng	9.641	3,70	7.536	108,48	0,32
- Dịch vụ	154.989	59,54	114.484	107,98	4,62
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	34.861	13,39	27.740	107,09	1,00

– Khu vực nông lâm thủy sản có mức tăng 5,83%, cao hơn mức tăng 5,62% của cùng kỳ.

– Khu vực công nghiệp và xây dựng vẫn là khu vực có mức tăng trưởng ổn định trong 2 năm gần đây: ngành công nghiệp tăng 7,25%, cùng kỳ có mức tăng 6,67%; ngành xây dựng tăng 8,48%, cùng kỳ tăng 10,08%.

– Khu vực thương mại dịch vụ có mức tăng 7,98%, xấp xỉ so với mức tăng 7,96% cùng kỳ năm trước, là nơi có nhiều hoạt động kinh doanh sôi nổi, thu hút nhiều dự án của nhà đầu tư nước ngoài và trong nước đồng thời có sự cạnh tranh quyết liệt, nhất là trong lĩnh vực bán lẻ. Một số ngành dịch vụ có mức tăng khá như: thương nghiệp bán buôn, bán lẻ tăng 7,82%, vận tải kho bãi 9,05%, tài chính ngân hàng 9,86%, kinh doanh bất động sản 9,28%.

* Về tỷ trọng đóng góp của 9 ngành dịch vụ trọng yếu trong GRDP của Thành phố:

9 ngành dịch vụ chiếm 55,11% trong GRDP, chiếm 92,56% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 4 ngành chiếm tỷ trọng cao là thương nghiệp bán buôn, bán lẻ (13,6%), vận tải kho bãi (9,2%), kinh doanh bất động sản (6,0%), tài chính ngân hàng (7,6%); đây là những ngành là chủ đạo chiếm 61% nội bộ khu vực dịch vụ, do đó cần có cơ chế tác động 4 ngành này để tạo hiệu ứng lan toả cho toàn bộ Khu vực dịch vụ phát triển mạnh hơn nữa.

	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
Khu vực dịch vụ	154.989	59,5	100
<i>Trong đó 9 ngành dịch vụ</i>	<i>143.463</i>	<i>55,11</i>	<i>92,56</i>
G. Thương nghiệp bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	35.406	13,6	22,8
H. Vận tải kho bãi	23.894	9,2	15,4
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.755	3,4	5,7
J. Thông tin và truyền thông	8.038	3,1	5,2
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	19.788	7,6	12,8
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.529	6,0	10,0
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	10.735	4,1	6,9
P. Giáo dục và đào tạo	9.956	3,8	6,4
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	11.361	4,4	7,3

Kết quả hoạt động của 9 ngành dịch vụ trong Khu vực dịch vụ có một số điểm đáng chú ý sau:

– Ngành thương nghiệp bán buôn, bán lẻ: là ngành có số lượng cơ sở hoạt động nhiều nhất, tạo ra giá trị tăng thêm cao nhất 35.406 tỷ, chiếm tỷ trọng 13,6% trong tổng GRDP và chiếm 22,8% trong khu vực dịch vụ. So sánh tỷ trọng của các ngành khác trong tổng GRDP của Thành phố thì ngành thương nghiệp bán buôn, bán lẻ chỉ đứng thứ 2 sau ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.

Ngành này có mức tăng nhẹ 7,82% so cùng kỳ năm ngoái, do thị trường tiêu thụ các mặt hàng thiết yếu có xu hướng bão hòa; người tiêu dùng có tâm lý chờ giảm thuế nhiều hơn nữa khi các hiệp định thương mại trong khối Asean có hiệu lực từ 1/1/2018 đối với hàng thời trang cao cấp, hàng hiệu từ nước ngoài, xe ô tô....

– Ngành vận tải kho bãi: đạt 23.894 tỷ, chiếm 9,2% trong tổng GRDP và 15,4% trong khu vực dịch vụ. Đây là ngành có vị trí quan trọng thứ 2 trong 9 ngành dịch vụ, có mức tăng trưởng 9,05% so cùng kỳ. Mô hình thí điểm tuyến buýt giao thông bằng đường sông được người dân ủng hộ.

– Ngành khách sạn, nhà hàng: đạt 8.755 tỷ, chiếm 3,4% trong tổng GRDP và 5,7% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng khá 11,68% so cùng kỳ;

– Ngành thông tin truyền thông: đạt 8.038 tỷ, chiếm 3,1% trong tổng GRDP và 5,2% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng nhẹ 1,61% so cùng kỳ;

– Ngành tài chính, ngân hàng: đạt 19.788 tỷ, chiếm 7,6% trong tổng GRDP và 12,8% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 9,86% so cùng kỳ;

– Ngành bất động sản đạt 15.529 tỷ, chiếm 6% trong tổng GRDP và 10% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 9,28% so cùng kỳ, tuy nhiên trong quý 1 có hiện tượng đầu cơ, làm giá đất tăng.

– Ngành hoạt động chuyên môn KHCN đạt 10.735 tỷ, chiếm 4,1% trong tổng GRDP và 6,9% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 7,58% so cùng kỳ;

– Ngành giáo dục và đào tạo: đạt 9.956 tỷ, chiếm 3,8% trong tổng GRDP và 6,4% trong khu vực dịch vụ, có mức tăng 4,43% so cùng kỳ;

– Ngành y tế: đạt 11.361 tỷ, chiếm 4,4% trong tổng GRDP và 7,3% trong khu vực dịch vụ, tăng 7,12% so cùng kỳ.

II. CÔNG NGHIỆP

Tình hình hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố trong tháng 3 ổn định, không bị ảnh hưởng của việc nghỉ Tết. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tính tháng 3 tăng 42,12% so với tháng trước. Chỉ số sản xuất các ngành đều tăng, chỉ riêng ngành thoát nước và xử lý nước thải giảm 10,93%.

So với tháng 3/2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 7,07%. Tính chung 3 tháng đầu năm, **chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 6,05% so với cùng kỳ năm trước**, cao hơn mức tăng của năm 2017 (mức tăng của năm 2017: 6,02%). Trong đó, ngành khai khoáng tăng 21,46% chủ yếu do hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác tăng mạnh; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,92%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,33%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,44%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu

	Tháng 3/2018 so với tháng 2/2018	Đơn vị tính: % 3 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	142,12	106,05
<i>Chia theo ngành cấp 1</i>		
1. Công nghiệp khai khoáng	131,84	121,46
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	143,86	105,92
3. SX và phân phối điện	118,11	109,33
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	108,01	107,44
<i>Một số ngành chủ yếu</i>		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	144,52	108,39
2. Sản xuất đồ uống	119,11	103,70
3. Sản xuất trang phục	133,59	105,29
4. Sản xuất da và SP liên quan	141,97	102,76
5. SX hóa chất và SP hóa chất	137,98	100,62
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	138,54	108,69
7. SP. từ khoáng phi kim loại	163,25	103,46
8. Sản xuất SP điện tử	126,91	116,91
9. Sản xuất thiết bị điện	145,16	104,16
10. Sản xuất xe có động cơ	102,12	74,01

Trong các ngành công nghiệp cấp 2, hầu hết các ngành đều có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng so với cùng kỳ, cụ thể có 24/30 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó ngành thoát nước và xử lý nước thải tăng mạnh (+48,79%); tiếp theo ngành chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ (+22,97%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+20,77%); sản xuất sản phẩm điện tử (+16,91%); sản xuất kim loại (+15,88%)... Một số ngành có chỉ số sản xuất giảm: sản xuất phương tiện vận tải (-7,63%); sản xuất thuốc lá (-8,14%); thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải (-7,65%); sản xuất xe có động cơ (-25,99%)...

Nhìn chung, chỉ số sản xuất công nghiệp của thành phố vẫn duy trì mức độ tăng trưởng khá và ổn định, đặc biệt là chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm luôn tăng cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

Các ngành thuộc 4 ngành công nghiệp trọng điểm tiếp tục tăng trưởng nhờ chủ động mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới thiết bị nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và để bắt kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Chỉ số sản xuất công nghiệp 4 ngành trọng điểm ước tính cộng dồn 3 tháng đầu năm so với cùng kỳ tăng **6,79%**. Cụ thể như sau:

- Ngành chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống tăng 6,06%;
- Ngành hóa dược tăng 4,31%;
- Ngành cơ khí giảm nhẹ 0,08%;
- Ngành sản xuất hàng điện tử tăng cao 16,91%, do doanh nghiệp thường xuyên ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại; các sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao (chất bán dẫn, vi mạch, bo mạch điện tử...) và có thị trường tiêu thụ ổn định.

Chỉ số sản xuất của 4 ngành công nghiệp trọng điểm

	Đơn vị tính: %
	3 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	106,79
A-Ngành chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống	106,06
10-Sản xuất chế biến thực phẩm	108,39
11-Sản xuất đồ uống	103,70
B-Ngành hóa dược	104,31
20-Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	100,62
21-Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	103,58
22-Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	108,69
C-Ngành sản xuất hàng điện tử	116,91
26-Sản xuất SP. điện tử, máy vi tính và SP quang học	116,91
D-Nhóm ngành cơ khí	99,92
25-Sản xuất SP từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	120,77
27-Sản xuất thiết bị điện	104,20
28-Sản xuất máy móc, thiết bị chưa phân vào đâu	108,20
29-Sản xuất xe có động cơ	74,01
30-Sản xuất phương tiện vận tải khác	92,37

2 ngành truyền thông¹: Chỉ số sản xuất cộng dồn 3 tháng tăng 4,46% so cùng kỳ năm trước; trong đó, ngành dệt tăng 5,3%, ngành da giày tăng 7,76%, ngành may trang phục tăng 5,29%, ngành sản xuất da tăng 2,76%.

Về sản phẩm công nghiệp, hầu hết các sản phẩm sản xuất trong quý 1 đều tăng so với cùng kỳ, những sản phẩm tăng cao: Tivi đạt 1.611,8 nghìn cái tăng 189,1%; thép đạt 96,9 nghìn tấn, tăng 49,7%; vải đạt 34,6 nghìn tấn, tăng 38,8%; sữa hoặc kem cô đặc đạt 37,8 nghìn tấn, tăng 24,6%...

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tháng 3 tăng 28,12% so tháng trước và giảm 2,01% so với tháng cùng kỳ. Tính chung 3 tháng, chỉ số tiêu thụ tăng 4,04% so với cùng kỳ, những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng cao như: sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử; sản xuất thuốc, hóa dược; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ...

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 1/3 tăng 11,79% so với tháng trước và tăng 40,54% so với cùng kỳ. Ngành có chỉ số tồn kho tăng: sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm điện tử; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại... bên cạnh đó có một ngành giảm: sản xuất giấy; da; in; sản xuất xe có động cơ...

III. XÂY DỰNG

Hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố diễn ra sôi nổi trong những tháng đầu năm. Các doanh nghiệp tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công những công trình chuyển tiếp, đồng thời triển khai thực hiện các dự án xây dựng mới.

Giá trị sản xuất xây dựng quý 1 theo giá hiện hành ước đạt 48.338,77 tỷ đồng, bao gồm: Khu vực Nhà nước đạt 2.914,1 tỷ đồng, chiếm 6,03%; khu vực ngoài Nhà nước đạt 40.742,93 tỷ đồng, chiếm 84,29%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.681,73 tỷ đồng, chiếm 9,69%. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà chiếm 56,86%; công trình kỹ thuật dân dụng chiếm 21,09% và hoạt động xây dựng chuyên dụng chiếm 22,05%.

Giá trị sản xuất xây dựng trong quý 1 theo giá so sánh ước đạt 36.208,05 tỷ đồng, tăng 8,46% so với cùng kỳ năm 2017. Trong tổng giá trị sản xuất: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà tăng 6,77%; công trình kỹ thuật dân dụng tăng 5,38% và hoạt động xây dựng chuyên dụng tăng 15,57%.

IV. ĐẦU TƯ

1. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn quý 1/2018 ước thực hiện 65.317 tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước (quý 1/2017 tăng 6,3%). Môi trường đầu tư được cải thiện, dòng vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng khá, xu hướng phát triển

¹ Gồm: sản xuất trang phục (ngành may); ngành sản xuất da và sản phẩm liên quan (thuộc da, vali, túi xách, giày dép da)

mạnh của thị trường bất động sản là những nguyên nhân chính tác động làm tăng vốn đầu tư trong quý 1. Cụ thể các nguồn vốn như sau:

Vốn đầu tư trên địa bàn quý 1/2018

	Thực hiện Quý 1/2018 (tỷ đồng)	% so sánh quý 1	
		Năm 2017 với năm 2016	Năm 2018 với năm 2017
Tổng vốn đầu tư	65.317	106,3	108,5
Vốn ngân sách	2.740	97,7	104,3
Vốn doanh nghiệp Nhà nước	6.443	110,5	111,3
Vốn ngoài nhà nước	45.767	106,4	108,4
Vốn nước ngoài	10.367	106,2	108,3

Vốn từ ngân sách thành phố quý 1/2018 ước thực hiện 2.474,6 tỷ đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ (quý 1/2017 tăng 2,1%). Cấp thành phố ước thực hiện 1.598,1 tỷ đồng, chiếm 64,6%; cấp quận huyện ước thực hiện 876,5 tỷ đồng, chiếm 35,4%.

Vốn đầu tư từ ngân sách địa phương

	Thực hiện quý 1/2018 (tỷ đồng)	So với quý 1/2017 (%)
Tổng vốn đầu tư	2.474,6	104,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	128,2	94,3
Cấp thành phố	1.598,1	106,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	85,2	123,2
Cấp quận huyện	876,5	90,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	43,0	65,2

Thành phố đã giao cho các Sở, cơ quan ngang Sở, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các chủ đầu tư chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2018 (đợt 1) gồm nguồn vốn ngân sách Thành phố, nguồn vốn xổ số kiến thiết và vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), với tổng số vốn là 28.989,495 tỷ đồng. Trong đó:

- Vốn ODA 4.884,6 tỷ đồng;
- Vốn đối ứng từ ngân sách thành phố của các dự án ODA 2.521,450 tỷ;
- Vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư PPP 542,928 tỷ đồng;
- Dự án chuyển tiếp 12.432,839 tỷ đồng;
- Dự án khởi công mới 3.952,8 tỷ đồng;

Kế hoạch vốn ngân sách thành phố (đợt 1) năm nay tăng cao, cụ thể: so với năm 2017 tăng 53,6%, so với năm 2016 tăng 49,6%. Nhiều dự án lớn dự kiến được thực hiện trong năm như: bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ nâng cấp Quốc lộ 50 huyện Bình Chánh (kế hoạch 150 tỷ đồng); bồi thường, giải

phóng mặt bằng phục vụ dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 2 thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành - Tham Lương thuộc địa bàn quận 10 (kế hoạch vốn 300 tỷ đồng); bồi thường, giải phóng mặt bằng kênh Hàng Bàng giai đoạn 2, quận 6 (500 tỷ đồng); dự án Cải thiện môi trường nước thành phố lưu vực kênh Tàu Hũ - Bến Nghé - Đô - Tẻ, giai đoạn 2 (200 tỷ đồng)...

Tiến độ thực hiện của các dự án có vốn lớn được đẩy nhanh, cụ thể: khối lượng thực hiện tháng 3 so với tháng 2 tăng 2,8 lần, so với tháng cùng kỳ tăng 4,3%.

- Dự án hầm chui nút giao thông ngã tư An Sương hoàn thành hạng mục nhánh (N1) đưa vào sử dụng. Đây là dự án trọng điểm, cấp bách nhằm giải tỏa ùn tắc tại khu vực này;

- Dự án Xây dựng đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh, tuyến số 1 Bến Thành - Suối Tiên thuộc dự án trọng điểm sử dụng vốn ODA, thành phố đã ứng vốn ngân sách địa phương để thi công. Hiện đang lắp ráp đường ray đoạn từ cầu Sài Gòn đến ngã tư Thủ Đức, khối lượng thực hiện toàn tuyến đạt trên 59%;

- Dự án Vệ sinh môi trường TPHCM - giai đoạn 2 từ nguồn vốn ODA cũng bước sang giai đoạn thi công.

2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến cuối tháng 2, toàn thành phố đã cấp 7.717 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 1.586,7 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 7.621 giấy phép, với diện tích 1.572,6 ngàn m² và 96 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 14,1 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 13,6% về giấy phép (+922) và tăng 15,3% về diện tích (+211,8 ngàn m²).

3. Cấp phép dự án có vốn đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/3/2018, đã có 170 dự án có vốn nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn thành phố với tổng vốn đăng ký đạt 212,5 triệu USD, tăng 24,1% về số lượng giấy phép và tăng 60,3% về vốn so với cùng kỳ năm 2017.

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư có 40 dự án, vốn đầu tư 75,9 triệu USD. Tổng vốn đăng ký cấp phép mới và tăng vốn đến ngày 15/3 đạt 288,4 triệu USD, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước. Góp vốn, mua cổ phần có 428 trường hợp, vốn đầu tư đạt 944,9 triệu USD.

Phân loại các dự án được cấp phép mới:

Theo loại hình đầu tư: 100% vốn nước ngoài 150 dự án, vốn đầu tư đạt 203,6 triệu USD; liên doanh 19 dự án, vốn đầu tư đạt 8,9 triệu USD.

Theo ngành hoạt động: công nghiệp 10 dự án, vốn đầu tư đạt 82,2 triệu USD chiếm 38,7% trong tổng vốn cấp mới; thương mại 64 dự án, vốn đầu tư đạt 63,2 triệu USD (chiếm 29,8%); hoạt động kinh doanh bất động sản 6 dự án, vốn đầu tư đạt 48,3

triệu USD (chiếm 22,8%); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 54 dự án, vốn đầu tư đạt 7,5 triệu USD; thông tin truyền thông 15 dự án, vốn đầu tư 4,2 triệu USD.

Theo đối tác đầu tư: NaUy 3 dự án, vốn đầu tư đạt 70,1 triệu USD (chiếm 33%); Hàn Quốc 30 dự án, vốn đầu tư 52,9 triệu USD (chiếm 24,9%); Singapore 26 dự án, vốn đầu tư 41,7 triệu USD (chiếm 19,6%); Nhật Bản 30 dự án, vốn đầu tư 18,7 triệu USD (chiếm 8,8%); Hồng Kông 9 dự án, vốn đầu tư 10,9 triệu USD; Đài Loan 8 dự án, vốn đầu tư 4,2 triệu USD; British Virgin Islands 3 dự án, vốn đầu tư 3,5 triệu USD.

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

a. Đăng ký thành lập doanh nghiệp

Từ đầu năm đến ngày 15/3/2018, Thành phố đã cấp phép cho 7.830 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký đạt 95.224 tỷ đồng, tăng 6,3% về số lượng giấy phép và tăng 5,6% về vốn. Trong đó, 9 ngành dịch vụ 5.609 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 74.408 tỷ đồng (chiếm 78,1% trong tổng vốn được cấp phép), tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước.

Phân theo loại hình: công ty trách nhiệm hữu hạn có 6.801 doanh nghiệp, tăng 5,1%, vốn đăng ký đạt 43.258 tỷ đồng, giảm 19,7% so với cùng kỳ. Công ty cổ phần 937 đơn vị, tăng 18%; vốn đăng ký 51.917 tỷ đồng, tăng 43,2%. Doanh nghiệp tư nhân có 90 đơn vị, giảm 11,8%; vốn đăng ký đạt 49 tỷ đồng, giảm 33,7%.

Phân theo khu vực:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** đã có 34 doanh nghiệp được cấp phép với vốn đăng ký đạt 1.156 tỷ đồng, gấp 2,9 lần so với cùng kỳ.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** có 1.565 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 17.339 tỷ đồng, giảm 22,9% so với cùng kỳ, chủ yếu là do vốn của ngành xây dựng chiếm gần 70%, giảm 36,2% so với cùng kỳ năm trước.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** cấp phép 6.231 doanh nghiệp, tăng 10,4%; vốn đăng ký đạt 76.729 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động kinh doanh bất động sản có 485 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 46.183 tỷ đồng; so với cùng kỳ năm trước, số lượng giấy phép tăng 17,4%, vốn đăng ký tăng 39,3%. Thương nghiệp 2.987 doanh nghiệp, tăng 6,3%; vốn đăng ký đạt 12.803 tỷ đồng, giảm 32,8%. Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm có 84 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 5.076 tỷ đồng, gấp 2,4 so với cùng kỳ. Khoa học, công nghệ 800 doanh nghiệp với vốn đầu tư 4.670 tỷ đồng, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước.

b. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong 2 tháng đầu năm, Thành phố có 520 doanh nghiệp giải thể, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, 81,2% là loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần 12,5%. Chuyển đi tỉnh thành phố khác 243 doanh nghiệp; ngừng hoạt động 1.085 doanh nghiệp.

V. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Nông nghiệp

1.1. Trồng trọt: Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong quý 1 chủ yếu là chăm sóc, thu hoạch lúa vụ đông xuân và gieo trồng các loại cây khác

a. Lúa vụ đông xuân: tính đến 15/3, diện tích gieo trồng lúa vụ đông xuân ước đạt 5.251 ha, giảm 2,7% so cùng kỳ năm trước (tương đương giảm 147,7ha); đã thu hoạch là 1.133 ha tăng 9,1% so với cùng kỳ, năng suất đã thu hoạch đạt 49,2 tạ/ha, tương đương cùng kỳ.

Do lúa đang ở giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng và trở chín, nên dễ bị rầy nâu và sâu cuốn lá xâm hại. Hiện tại diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa vụ Đông Xuân là 1.048 ha cao hơn 20% so với cùng kỳ năm trước (873 ha)

b. Gieo trồng các loại cây khác:

Rau 3.384,9 ha, tăng 9%; hoa cây cảnh 1.073 ha, tăng 13,5% so cùng kỳ.

Tiếp tục triển khai xây dựng cánh đồng sản xuất rau muống nước theo quy trình VietGAP tại 2 xã (Nhị Bình, huyện Hóc Môn: 79 ha/200 hộ và Bình Mỹ, huyện Củ Chi: 317 ha/320 hộ). Đến nay đã chứng nhận VietGAP cho 110 hộ trồng rau muống nước, với tổng diện tích canh tác 94,30 ha.

1.2. Chăn nuôi:

Số lượng đàn gia súc, gia cầm của Thành phố duy trì ổn định. Tổng đàn trâu, bò ước tính đến tháng 3 có 134.261 con tăng 1,8% so cùng kỳ năm trước, trong đó đàn bò tăng 2,3% so cùng kỳ, riêng tổng đàn bò sữa giảm 11% so cùng kỳ do tình hình tiêu thụ sữa gặp khó khăn và tiếp tục sàn lọc giảm đàn bò sữa năng suất thấp.

Đàn heo ước đạt 304.249 con, giảm 7,1% so cùng kỳ năm trước.

Đàn gia cầm ước đạt 314,9 nghìn con, giảm 12,1% so cùng kỳ năm trước, trong đó đàn gà ước đạt 254,2 nghìn con.

Trong quý 1, không phát hiện dịch bệnh cúm gia cầm, lở mồm long móng, PRRS tại các hộ chăn nuôi.

2. Lâm nghiệp

Tổng diện tích rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố hiện nay là 38.864 ha, trong đó diện tích đất có rừng là 36.592 ha. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,46%, tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh là 40,13%.

Để ngăn ngừa bảo vệ rừng và phòng cháy trong mùa khô, Chi cục Kiểm lâm tổ chức 171 lượt kiểm tra phòng cháy chữa cháy rừng.

3. Thủy sản

Lũy kế 3 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước đạt 13.347 tấn, tăng 3,5% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 4.716,1 tấn, giảm 0,4% so cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm ước đạt 2.834,3 tấn, tăng 5,4% so cùng kỳ năm trước; sản lượng thủy sản khác đạt 5.796,6 tấn, tăng 6% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 4.780,2 tấn, giảm 3,8% so cùng kỳ;
+ Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 8.566,8 tấn, tăng 8,1% so cùng kỳ.
Trong đó, sản lượng cá ước đạt 2.176,6 tấn, tăng 6%; sản lượng tôm ước đạt 2.107 tấn, tăng 6,7%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 4.283,3 tấn, tăng 9,9% so cùng kỳ.

*** Tình hình thả nuôi tôm tại huyện Cần Giờ (tính đến ngày 10/3)**

+ Tôm sú có 298 lượt hộ thả nuôi với 40,12 triệu con giống trên diện tích 3.266,6 ha. So với cùng kỳ diện tích tăng 10,9%, con giống giảm 6,7%.

+ Tôm thẻ chân trắng có 401 lượt hộ thả nuôi với 115,56 triệu con giống trên diện tích 271,8 ha.

Tình hình dịch bệnh trên tôm (chủ yếu bệnh đốm trắng) tại huyện Cần Giờ gây thiệt hại cho hộ nuôi tôm. Tính từ đầu năm đến nay, có 21 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên tổng diện tích 11,01 ha làm thiệt hại 5,29 triệu con giống; có 13 hộ với diện tích 4,65 ha được xử lý dập bệnh bằng 709 kg thuốc TTCA của quỹ phòng ngừa dịch bệnh.

VI. NỘI THƯƠNG

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 3 ước đạt 85.824,6 tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 18% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ ước đạt 55.832,1 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước; khách sạn, nhà hàng đạt 9.042,8 tỷ đồng, tăng 2%; du lịch lữ hành 1.584,9 tỷ đồng, giảm 2%; dịch vụ khác đạt 19.364,8 tỷ đồng, tăng 2,5%.

Ước tính quý 1/2018, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 255.769,1 tỷ đồng, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

* **Chia theo thành phần kinh tế:** Kinh tế nhà nước ước đạt 16.164,8 tỷ đồng, chiếm 6,3% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm trước; kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 202.402,3 tỷ đồng, chiếm 79,1%, tăng 12,7%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 37.202 tỷ đồng, chiếm 14,6%, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước.

*** Chia theo ngành kinh tế:**

– **Thương nghiệp:** doanh thu bán lẻ quý 1 ước tính đạt 166.361,9 tỷ đồng, chiếm 65% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm hàng lương thực, thực phẩm chiếm 17,3%, tăng 12,7% so với cùng kỳ; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình chiếm 18,5%, tăng 10,1%; hàng may mặc chiếm 6,6%, tăng 12,4%; xăng dầu các loại chiếm 8,3%, tăng 15,2%; phương tiện đi lại chiếm 5,1%, tăng 8%.

– **Dịch vụ lưu trú và ăn uống:** doanh thu ước tính đạt 27.095,5 tỷ đồng, tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, dịch vụ ăn uống chiếm 88,5%, tăng 9,8%; dịch vụ lưu trú chiếm 11,5%, tăng 11,5%.

– **Du lịch:** ước tính doanh thu đạt 4.919,9 tỷ đồng, tăng 32,3% so với cùng kỳ.

– **Dịch vụ tiêu dùng khác:** doanh thu đạt 57.391,8 tỷ đồng, chiếm 22,4% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản chiếm 58,7%, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước.

VII. XUẤT NHẬP KHẨU

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 3 đạt 3.437,9 triệu USD, tăng 59,0% so tháng trước. **Ước tính 3 tháng đạt 8.825,1 triệu USD, tăng 10,6% so cùng kỳ.**

Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu 3 tháng ước đạt 8.244,6 triệu USD, tăng 12,7% so cùng kỳ.

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố xuất qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch xuất khẩu bao gồm dầu thô ước thực hiện tháng 3 đạt 2.666,1 triệu USD, tăng 48,4% so tháng trước. Ước tính 3 tháng đạt 7.537,5 triệu USD, tăng 3,2% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 773,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 10,3%, giảm 5,1%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 2.426,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 32,2%, tăng 2,8%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.337,0 triệu USD, chiếm tỷ trọng 57,5%, tăng 5,0%.

Loại trừ dầu thô ước 3 tháng đạt 6.957,0 triệu USD, tăng 4,8% so cùng kỳ.

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu (không kể dầu thô):

– **Nhóm hàng nông lâm thủy hải sản** đạt 1.143,9 triệu USD, giảm 2,9% so cùng kỳ và chiếm tỷ trọng 16,4%. Trong đó:

+ Gạo đạt 183,1 triệu USD, giảm 3,7%. Lượng gạo xuất khẩu đạt 117,3 ngàn tấn, giảm 51,6%.

+ Cà phê đạt 225,2 triệu USD, tăng 7,0% so cùng kỳ. Lượng cà phê xuất khẩu đạt 132,7 ngàn tấn, tăng 10,7%.

+ Cao su đạt 124,8 triệu USD, giảm 28,5% so cùng kỳ. Lượng cao su xuất khẩu đạt 57,3 ngàn tấn, giảm 12,5%.

+ Hàng thủy hải sản đạt 173,0 triệu USD, tăng 7,5%.

+ Hàng lâm sản đạt 110,0 triệu USD, giảm 9,3%.

– **Nhóm hàng công nghiệp** đạt 5.281,1 triệu USD, tăng 6,0% và chiếm tỷ trọng 75,9%. Trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 2.088,7 triệu USD, tăng 8,3% so cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 30,0% trong kim ngạch xuất khẩu không kể giá trị dầu thô.

+ Hàng dệt, may ước đạt 1.089,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 15,7%, giảm 6,2% so cùng kỳ.

+ Hàng giày dép ước đạt 508,4 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,3%, giảm 11,7% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng ước đạt 484,6 triệu USD, chiếm tỷ trọng 7,0%, tăng 8,6% so cùng kỳ.

– **Nhóm hàng hóa khác** đạt 532,0 triệu USD, tăng 10,6%.

* Riêng dầu thô: ước đạt 1.116,8 ngàn tấn, giảm 28,7%; về trị giá đạt 580,5 triệu USD, giảm 13,1% so cùng kỳ.

2. Nhập khẩu

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố ước thực hiện tháng 3 đạt 4.031,5 triệu USD, tăng 45,0% so tháng trước. **Ước tính 3 tháng đạt 10.829,9 triệu USD, tăng 12,8% so cùng kỳ.**

Tình hình cụ thể của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nhập qua cửa khẩu Thành phố như sau:

Tổng kim ngạch nhập khẩu tháng 3 ước đạt 3.231,7 triệu USD, tăng 40,0% so tháng trước. Ước tính 3 tháng đạt 9.098,0 triệu USD, tăng 10,3% so cùng kỳ. Chia ra:

+ Thành phần kinh tế nhà nước đạt 421,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 4,6%, tăng 2,3%.

+ Thành phần kinh tế ngoài nhà nước đạt 4.743,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 52,1%, tăng 11,8%.

+ Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 3.923,7 triệu USD, chiếm tỷ trọng 43,2%, tăng 9,3%;

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 3 tháng năm 2018:

(Chỉ tính kim ngạch của doanh nghiệp Thành phố nhập qua cảng Thành phố)

+ Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: nhập 2.161,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 23,8%, tăng 9,7% so cùng kỳ.

+ Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng: nhập 1.163,9 triệu USD, chiếm tỷ trọng 12,8%, tăng 13,2%.

+ Vải các loại: nhập 508,6 triệu USD, tăng 2,4%.

+ Chất dẻo nguyên liệu: nhập 511,5 triệu USD, tăng 16,8%.

+ Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày nhập 146,0 triệu USD, giảm 14,7%.

+ Sắt thép các loại: nhập 925,4 ngàn tấn, giảm 22,2%; kim ngạch đạt 322,0 triệu USD, giảm 9,4%.

+ Dược phẩm đạt 273,3 triệu USD, giảm 7,6%.

VIII. VẬN TẢI

Tổng doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách tháng 3 ước đạt 7.182,3 tỷ đồng, bằng 99,7% so với tháng trước, so với tháng cùng kỳ tăng 12%. Ước tính quý 1/2018 là 22.829,5 tỷ đồng, tăng 10,2% so cùng kỳ 2017.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách quý 1 năm 2018

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh với cùng kỳ năm 2017	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	16.230,3	6.599,2	108,3	115,5
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	700,9	86,6	62,0	99,2
Kinh tế ngoài nhà nước	15.446,6	4.795,9	112,1	117,0
Kinh tế có vốn nước ngoài	82,8	1.716,7	105,8	112,2
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	10.139,9	4.896,1	112,2	116,9
Đường sông	1.716,1	81,4	119,4	90,5
Đường biển	4.345,2	-	96,8	-
Đường hàng không	29,1	1.621,7	87,9	113,0

– **Vận tải hàng hóa:** Doanh thu tháng 3 ước đạt 4.997,3 tỷ đồng, tăng 4,8% so tháng trước. Quý 1/2018 ước 16.230,3 tỷ đồng, tăng 8,3% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 95,2%, tăng 12,1% so cùng kỳ; kinh tế nhà nước chiếm 4,3%, bằng 62% so cùng kỳ.

Doanh thu vận tải hàng hóa đường bộ chiếm tỷ trọng 62,5%, tăng 12,2% so cùng kỳ; đường biển chiếm tỷ trọng 26,8%, bằng 96,8% so cùng kỳ; đường sông chiếm tỷ trọng 10,6%, tăng 19,4%.

– **Vận tải hành khách:** Doanh thu tháng 3 ước 2.184,9 tỷ đồng, bằng 89,9% so tháng trước. Doanh thu quý 1/2018 ước đạt 6.599,2 tỷ đồng, tăng 15,5% so cùng kỳ. Khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 72,6%, tăng 17%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 26%, tăng 12,2%.

Doanh thu vận tải hành khách đường bộ 4.894,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 74,1%, tăng 16,9%; đường hàng không chiếm 24,6%, tăng 13%.

IX. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước 3 tháng năm 2018 ước thực hiện 90.630 tỷ đồng, đạt 24,05% dự toán, tăng 2,24% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 62.178 tỷ đồng, đạt 24,27% dự toán, tăng 5,02% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 5.044 tỷ đồng, đạt 40,13% dự toán, tăng 16,52% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 23.400 tỷ đồng, đạt 21,67% dự toán, giảm 6,80% so cùng kỳ.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 3 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 3 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước	376.780	90.630	24,05	102,24
I- Thu nội địa	256.210	62.178	24,27	105,02
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.000	5.964	22,94	111,92
2. Khu vực ngoài nhà nước	64.000	16.480	25,75	119,23
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	75.110	15.726	20,94	97,55
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	108.000	23.400	21,67	93,20
III- Thu từ dầu thô	12.570	5.044	40,13	116,52

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 9,59% tổng thu nội địa, tăng 11,92% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 4.138 tỷ đồng, đạt 22,49% dự toán, tăng 15,11% so cùng kỳ; Nhà nước địa phương ước thực hiện 1.826 tỷ đồng, đạt 24,02% dự toán, tăng 5,32% so cùng kỳ. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 16.480 tỷ đồng, tăng 19,23% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 15.726 tỷ đồng, giảm 2,45% so cùng kỳ.

Thu cân đối ngân sách địa phương 3 tháng năm 2018 ước thực hiện 20.498 tỷ đồng, đạt 26,39% dự toán, tăng 0,03% so cùng kỳ năm 2017.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 3 tháng năm 2018 ước thực hiện 10.364 tỷ đồng, đạt 11,93% dự toán, tăng 30,04% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2018 (Tỷ đồng)		% thực hiện 3 tháng so với	
	Dự toán	Ước TH 3 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2017
Tổng chi (trừ tạm ứng)	86.866	10.364	11,93	130,04
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	36.165	3.314	9,16	186,07
II- Chi thường xuyên	36.500	6.677	18,29	109,21
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	6.278	987	15,72	188,61
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	11.264	1.960	17,40	104,58
Sự nghiệp y tế	2.176	333	15,30	85,08
Quản lý hành chính	6.362	1.189	18,68	109,32

Chi đầu tư phát triển 3.314 tỷ đồng, đạt 9,16% dự toán, tăng 86,07% so cùng kỳ. Chi thường xuyên 6.677 tỷ đồng, đạt 18,29% dự toán, tăng 9,21% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 987 tỷ đồng, đạt 15,72% dự toán, tăng 88,61%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.960 tỷ đồng, đạt 17,40% dự toán, tăng 4,58%; chi sự nghiệp y tế 333 tỷ đồng, đạt 15,30% dự toán, giảm 14,92%; chi quản lý hành chính 1.189 tỷ đồng, đạt 18,68% dự toán, tăng 9,32% so cùng kỳ 2017.

2. Tín dụng ngân hàng

Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 3 đạt 2.032,4 ngàn tỷ đồng, giảm 0,19% so với tháng trước (chỉ số này của tháng trước: +1,55%); tăng 14,71% so với tháng cùng kỳ. Trong đó, vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 51,3% tổng vốn huy động, tăng 16,13% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm tỷ trọng 52,76% tổng vốn huy động, tăng 13,52% so với tháng cùng kỳ. Nguồn vốn huy động dự ước tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực, đảm bảo khả năng thanh khoản và điều kiện để tăng trưởng tín dụng đạt kết quả tích cực trong năm 2018.

Theo loại tiền gửi, vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 11,4%, tăng 2,74% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ tiếp tục tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn, chiếm 88,6%; tăng 16,46% so tháng cùng kỳ.

Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 3 đạt 1.794,71 ngàn tỷ đồng, tăng 18,34% so với tháng cùng kỳ và tăng 2,59% so với tháng 12/2017. Trong đó, dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 942,86 ngàn tỷ đồng, chiếm 46,39% tổng dư nợ, tăng 14,23% so tháng cùng kỳ. Dự ước dư nợ tín dụng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao so với các năm trước giúp cho doanh nghiệp có cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế.

Theo loại tiền, dư nợ bằng ngoại tệ đạt 163,11 ngàn tỷ đồng, chiếm 8,03% tổng dư nợ, tăng 11,97% so với cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 1.631,6 ngàn tỷ đồng, chiếm 80,28% tổng dư nợ, tăng 19,02% so với tháng cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 02 năm 2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 354 gồm 350 mã cổ phiếu, 2 mã chứng chỉ quỹ và 2 mã quỹ ETF; giảm 1 mã cổ phiếu so với cuối năm trước (ngày 23/02/2018 hủy niêm yết mã cổ phiếu BCI của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bình Chánh).

Giá trị vốn hóa thị trường là 3.039.209 tỷ đồng, tăng 16,26% so với cuối năm 2017. Trong tháng 02/2018 có 15 phiên giao dịch, 9 phiên tăng điểm và 6 phiên giảm điểm. VN-Index giảm mạnh ở đầu tháng, sau đó bật tăng trở lại và kết thúc tháng với giá trị cao nhất kể từ đầu năm. Trong tháng 2, VN-Index thiết lập đỉnh mới kể từ đầu năm vào 2 ngày giao dịch: 27 và 28. Giao dịch trên thị trường giảm mạnh so với tháng trước cả về khối lượng và giá trị giao dịch trung bình mỗi phiên. Đến cuối tháng 02/2018, VN-Index đạt 1.121,54 điểm, tăng 13,95% (tương ứng tăng 137,30 điểm) so với cuối năm 2017.

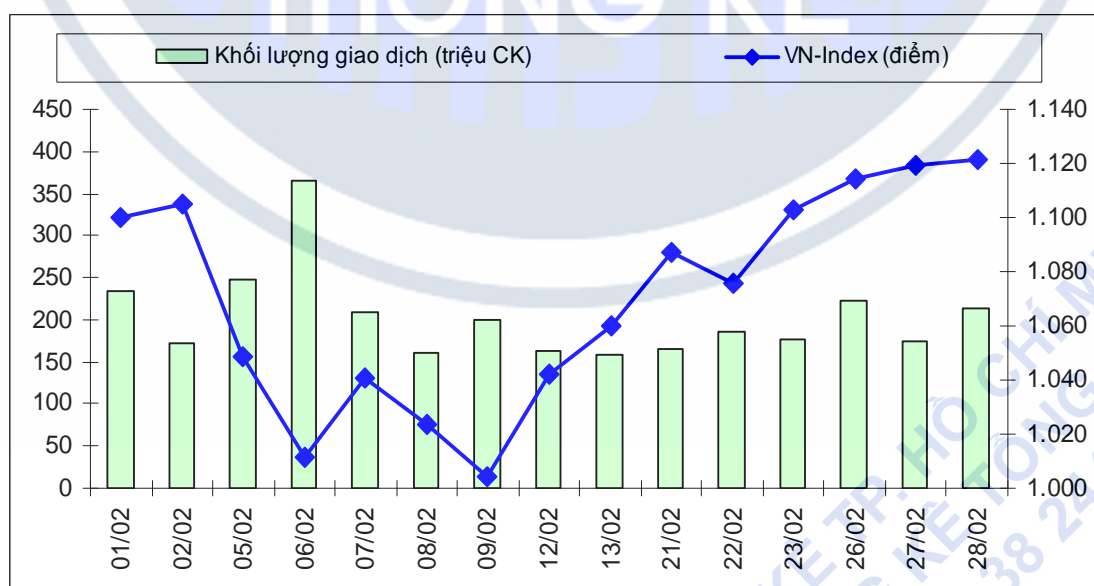
Khối lượng giao dịch trong tháng 02/2018 đạt 3.473,91 triệu chứng khoán, giảm 44,10% so với tháng trước. Giá trị giao dịch trong tháng đạt 103.902,05 tỷ đồng, giảm 38,49% so tháng trước. Trung bình mỗi phiên có 231,59 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị 6.926,80 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 25,46% và giá trị giao dịch giảm 17,98% so với tháng trước.

Đến cuối tháng 02/2018, VN-Index đạt giá trị thấp nhất vào ngày 02/01 với 995,77 điểm và đạt giá trị cao nhất vào ngày 28/02 với 1.121,54 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 2/2018	2 tháng năm 2018	Tháng 2 so tháng 1	2 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	3.473,91	9.688,05	55,90	194,52
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	3.401,76	9.460,39	56,15	190,84
Trái phiếu	9,01	28,46	46,31	159,53
Chứng chỉ quỹ & ETF	63,14	199,20	46,41	3.602,17
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.044,94	8.611,13	54,70	187,89
Giao dịch thỏa thuận	428,97	1.076,92	66,20	270,96
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	103.902,05	272.812,01	61,51	275,80
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	101.878,87	266.422,01	61,92	274,67
Trái phiếu	935,57	2.949,66	46,45	158,39
Chứng chỉ quỹ & ETF	1.087,61	3.440,34	46,23	5.869,89
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	85.026,61	229.989,90	58,65	269,85
Giao dịch thỏa thuận	18.875,44	42.822,11	78,82	312,81

Đồ thị VN-Index tháng 02/2018 trên SGDCK TP.HCM



Cập nhật đến ngày 15/03/2018, tổng số mã chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 355. Giá trị vốn hóa thị trường là 3.090.569 tỷ đồng, tăng 18,22% so với cuối năm trước; VN-Index đạt 1.138,76 điểm, tăng 154,52 điểm (tương ứng tăng 15,70%) so với cuối năm 2017.

X. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hoá nghệ thuật

1.1. Về hoạt động lễ hội

Trong quý 1, nhiều hoạt động lễ hội được tổ chức trước và sau Tết đón chào năm mới 2018 như: Chương trình đếm ngược, trong thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới (Countdown) dịp Tết Dương lịch 2018 tại đường Nguyễn Huệ; Trình chiếu ánh sáng 3D (Mapping) lên mặt tiền tòa nhà UBND thành phố; Phối hợp tổ chức đường hoa, đường sách tại phố đi bộ Nguyễn Huệ, hình thành lên nét văn hóa đặc trưng của người dân Thành phố mỗi độ xuân về.

Thành phố đã tổ chức kỷ niệm 229 năm chiến thắng Đống Đa, kỷ niệm 88 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, kỷ niệm 50 năm cuộc tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, thực hiện triển lãm với chủ đề “Hào khí xuân Mậu Thân 1968 mãi mãi sáng ngời”. Tổ chức Đêm nhạc tri ân khán giả thành phố và người hâm mộ bóng đá tại đường Lê Duẩn; Giải Đua xe truyền thống đón chào năm mới; Giải Đua thuyền truyền thống tại kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè. Đồng thời, thực hiện nhiều hoạt động khác phục vụ nhân dân ở ngoại thành như chương trình biểu diễn nghệ thuật phục vụ người dân, công nhân, người lao động góp phần tích cực tạo không khí đoàn kết, vui tươi, phấn khởi và lành mạnh phục vụ tốt đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trong trong dịp lễ tết.

1.2. Các hoạt động tuyên truyền cổ động

Trung tâm Triển lãm thành phố thực hiện 534 pano, 675 banderole, 5.980 cờ phướn; 20 phong sân khấu, 2 suất xe chuyên dùng, 5 suất xe thông tin tuyên truyền, 3 suất âm thanh, 12 cuộc triển lãm gồm 668 ảnh, 2 bảng trích và 10 tranh cổ động cùng các tác phẩm nghệ thuật của Hội Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện bằng nhiều hình thức đã tạo không khí sôi nổi thu hút sự chú ý của nhân dân. Hoạt động tuyên truyền cổ động chính trị được thực hiện đa dạng về hình thức và nội dung, thiết kế kiểu dáng hiện đại, chất liệu mới, bền, đẹp, phù hợp với cảnh quan đô thị.

1.3. Về hoạt động thư viện

Thư viện Khoa học Tổng hợp đã tổ chức phục vụ Lễ hội Đường sách Tết Mậu Tuất 2018 tại đường Mạc Thị Bưởi - Nguyễn Huệ - Ngô Đức Kế quận 1 với chủ đề “Ươm mầm tri thức - Khát vọng vươn cao” đã thu hút 306.619 lượt bạn đọc, phục vụ 403.811 lượt tài liệu. Triển lãm hơn 1.000 nhan đề sách nhằm trưng bày giới thiệu về Cuộc đời sự nghiệp, các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Giới thiệu những anh hùng và nhân chứng lịch sử điển hình và ý nghĩa cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968; Giới thiệu sách, tư liệu về Chủ quyền biển đảo của nước ta, Luật biển, Những vấn đề cần biết về biển đảo, Địa danh biển, Văn học, lịch sử biển... với độc giả, kiều bào, quan khách trong và ngoài nước.

1.4. Công tác gia đình

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, Xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược gia đình Việt Nam đến năm 2020 của thành phố Hồ Chí Minh. Triển khai văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 90% phường, xã, thị trấn hoàn chỉnh mô hình phòng, chống bạo lực gia đình.

1.5. Về văn hoá quần chúng

Trung tâm Văn hóa thành phố đã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, các hoạt động văn hóa nghệ thuật quần chúng; theo dõi và hỗ trợ phong trào văn hóa cơ sở, các hoạt động văn hóa nghệ thuật “Mừng xuân Mậu Tuất năm 2018 – Mừng Đảng quang vinh” và chuẩn bị kế hoạch tham gia Liên hoan Tiếng hát miền Đông tại thành phố Vũng Tàu.

1.6. Về nghệ thuật

Từ đầu năm đến nay, các chương trình biểu diễn nghệ thuật ca múa nhạc, sân khấu, trình diễn thời trang, xiếc, tổ chức sự kiện diễn ra liên tục, sôi động, phong phú và đa dạng. Các đơn vị nghệ thuật công lập ước thực hiện 138 suất diễn, phục vụ 51.000 lượt người xem. Bên cạnh đó, Sở đã đưa 02 đoàn nghệ thuật của Thành phố đi biểu diễn tại Đức, Séc, Ba Lan, Ucraina, Bỉ, Hungary và Phần Lan nhằm giao lưu và quảng bá văn hóa nghệ thuật, phục vụ kiều bào nhân dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất 2018.

1.7. Về quản lý di sản văn hóa

Trong quý 1/2018, hoạt động phục vụ khách tham quan tại các bảo tàng và các di tích trên địa bàn Thành phố trong thời gian qua đạt kết quả tốt, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham quan. Tổng số khách tham quan tại 07 bảo tàng ước đạt 650.350 lượt tăng 3,5% so với cùng kỳ; trong đó, khách nước ngoài ước đạt 255.162 lượt tăng 3,9% so với cùng kỳ.

2. Các hoạt động thể dục thể thao

2.1. Thể dục thể thao cộng đồng

Trong quý 1 năm 2018, nhiều giải phong trào thể dục thể thao quần chúng diễn ra rộng khắp như giải thi đấu thể thao điện tử của Công ty TNHH MTV giải trí IONIA, giải Golf mừng khai trương hệ thống V Handicap của Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư Long Biên, cuộc chạy đua mùa xuân 2018 của Trường quốc tế Pháp Marguerite Duras, giải thể thao sinh viên Việt Nam năm học 2017-2018, Bowling mừng Xuân & tri ân VĐV của Công ty TNHH Sài Gòn Superbowl, ...

2.2 Thể thao thành tích cao

Thành phố Hồ Chí Minh đã chuẩn bị lực lượng tham dự các giải toàn quốc và quốc tế chính thức, như cử đi tập huấn trong nước: Đội tuyển Quốc gia (17 môn): Rowing, Cờ vua, Cây mây, Cầu long, Điền kinh, Xe đạp, Wushu, Karatedo, Pencak

Silat, Bóng đá nữ, Thể dục nhào lộn trên lưới, Cử tạ, Bóng ném, Thể dục dụng cụ, Bắn súng, Taekwondo, Canoeing. Cử HLV, VĐV tham gia tập huấn tại các tỉnh thành trong nước gồm (06 môn): Đá cầu, Đấu kiếm, Taekwondo, Xe đạp, Karatedo, Bóng chuyên Nam.

Thi đấu Giải quốc gia: đã cử các HLV và VĐV tham dự các giải đấu vòng loại và vòng chung kết Giải Bóng đá U19 quốc gia năm 2018 tại Gia Lai, cử VĐV đoàn Hào Dũng Đường, quận 5 tham dự thi đấu giải Lâm - Sư - Rồng toàn quốc năm 2018, tham dự Giải Đấu kiếm trẻ và thiếu niên Đông Nam Á tại Malaysia, tham dự giải Quần vợt vô địch nam - nữ lần 1 (VTF Tour 1), thi đấu cọ sát chuẩn bị các giải quốc gia năm 2018 môn Võ cổ truyền.

Thi đấu Giải quốc tế: tham dự Giải Cầu lông Princess Irvannavarin ThaiLand Masters 2018 tại Thái Lan, giải Yonex Dutch Junior International và Yonex German Junilr International 2018 tại Hà Lan, tham dự Giải vô địch Taekwondo Lile - Pháp mở rộng năm 2018 tại Pháp, Cử VĐV Lê Quang Liêm tham dự Đại hội cờ vua Gibraltar 2018 tại Gibraltar.

3. Y tế

3.1. Công tác phòng chống dịch bệnh

Ngành Y tế thành phố cùng với Ban chỉ đạo chăm sóc sức khỏe nhân dân trong công tác phòng chống dịch bệnh; ứng dụng phần mềm hệ thống thông tin địa lý GIS trong xử lý các tai nạn, điều tra nguyên nhân bộc phát và lây lan dịch chính xác và hiệu quả; tăng cường công tác truyền thông trong cộng đồng và phối hợp với cơ quan quản lý trong các giải pháp xử lý nguy cơ bùng phát dịch

- Tình hình bệnh Sốt xuất huyết: số ca nhập viện là 2.187 ca, giảm 29,7% so với cùng kỳ năm 2017, trong đó không có trường hợp tử vong.
- Tình hình bệnh Tay Chân Miệng: có 255 ca, giảm 41,8% so với cùng kỳ năm 2017, không có trường hợp tử vong. Số bệnh tay chân miệng bao gồm cả số ca nghi nhiễm bệnh do chuẩn đoán ban đầu có triệu chứng ban đầu giống bệnh, sau quá trình điều trị mới xác định được chính xác.
- Tình hình bệnh sởi: có 03 ca ở quận 2, quận 6 và quận Phú Nhuận.
- Các bệnh truyền nhiễm khác: trong khả năng kiểm soát, không để lan rộng ra cộng đồng.

3.2. Vệ sinh an toàn thực phẩm

Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm và thường xuyên kiểm tra giám sát quy trình hoạt động, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm đặc biệt tại các cơ sở có bếp ăn tập thể như các khu công nghiệp, khu chế xuất, trường học,... Đã quy hoạch, xây dựng một số tuyến đường điem thuộc 16/24 quận, huyện trên địa bàn cho gánh hàng rong và thức ăn đường phố.

Trong 02 tháng đầu năm, không có xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể nào.

3.3. Công tác khám chữa bệnh và điều trị

Thành phố đang thí điểm mô hình “trạm y tế - một điểm dừng” tại 04 trạm y tế phường, xã ở quận Thủ Đức (01 trạm) và huyện Cần Giờ (03 trạm) theo nguyên lý y học gia đình, giúp người dân bước đầu đến khám không còn phải lên tuyến bệnh viện quận-huyện. Đồng thời luân phiên cán bộ y tế của các bệnh viện thành phố hỗ trợ tuyến dưới nhằm tạo niềm tin cho người dân đến khám chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế

Trong 03 tháng đầu năm, số lượt người khám chữa bệnh ngoại trú ước đạt 7,49 triệu lượt, số bệnh nhân điều trị nội trú ước đạt 422 ngàn lượt.

4. Giáo dục

Tình hình giáo dục Mầm non đầu năm học 2017-2018: Thành phố chủ trương giảm sĩ số học sinh/lớp, tăng số lớp học 2 buổi/ngày và nhân rộng mô hình trường chất lượng cao. Thành phố có 1.208 trường mẫu giáo, tăng 108 trường so với cùng kỳ; khối mầm non xây mới, sửa chữa, nâng cấp lên 15.479 phòng học, tăng 1.492 phòng (tăng 6,81% so với cùng kỳ). Quy mô số lớp học của khối mầm non là 14.416 lớp, tăng 7,55% so với cùng kỳ; số giáo viên của khối là 24.987 người, tăng 9,63% so với cùng kỳ. Tỷ lệ huy động trẻ đến trường ở khối mầm non là 385.306 em, tăng 5,19% so cùng kỳ. Sĩ số học sinh/lớp giảm từ 27,33 xuống còn 26,73 học sinh/lớp.

Tình hình giáo dục giáo dục Phổ thông đầu năm học 2017-2018: Thành phố có 952 trường phổ thông, tăng 2 trường so với cùng kỳ. Khối phổ thông có số phòng học xây mới, sửa chữa, nâng cấp lên 28.232 phòng, tăng 1.933 phòng (tăng 3,89% so với cùng kỳ); số lớp học là 30.454 lớp, tăng 3,14% so với cùng kỳ; số giáo viên là 51.006 người, tăng 1,84% so cùng kỳ; số học sinh là 1.225.041 người, tăng 3,48% so cùng kỳ. Sĩ số lớp học ở cả ba cấp học vẫn ở mức khá cao khoảng trên dưới 40 học sinh/lớp (khuyến nghị 35 học sinh/lớp).

5. Các hoạt động khác

Về công tác kiểm tra: trong quý 1/2018, các đoàn kiểm tra chuyên ngành của thành phố đã tiến hành kiểm tra 152 cơ sở kinh doanh văn hóa, quảng cáo và hoạt động thể thao trên địa bàn thành phố, ban hành 62 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền là 1.689 triệu đồng. Đồng thời đã kiểm tra 21 cơ sở lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa – xã hội trên địa bàn thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành 20 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền phạt là 900,3 triệu đồng.

Về công tác giám định: đã thẩm định 02 vụ về băng đĩa có nội dung ca nhạc với tổng cộng hơn 2.500 đĩa do Phòng Văn hóa Thông tin quận 3 và Chi cục quản lý thị trường Thành phố chuyển qua.

Công tác kiểm tra văn hóa phẩm xuất nhập khẩu: đã cấp 2.456 giấy phép và giấy xác nhận nội dung văn hóa phẩm theo trung cầu của Hải quan Thành phố và yêu cầu của các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn.

6. Trật tự an toàn xã hội

6.1. Vi phạm kinh tế: Thành phố qua triển khai các biện pháp nghiệp vụ đã phát hiện 344 vụ vi phạm, gồm: buôn lậu và buôn bán, vận chuyển hàng ngoại nhập lậu (55 vụ), vận chuyển, kinh doanh hàng cấm (59 vụ), kinh doanh hàng hoá không có hoá đơn, chứng từ (109 vụ), kinh doanh, sản xuất bán hàng giả nhãn hiệu các loại, hàng kém chất lượng (29 vụ), kinh doanh trái phép, trốn thuế (54 vụ), kinh doanh vi phạm sở hữu công nghiệp (13 vụ), lập và sử dụng hóa đơn bất hợp pháp (11 vụ) và khác (14 vụ); Khởi tố mới 54 vụ, 16 đối tượng. Đề nghị truy tố 14 vụ, 27 đối tượng. Thu giữ nhiều loại hàng hóa trị giá khoảng 25,47 tỷ đồng.

6.2. Vi phạm môi trường: đã lập 85 biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, thú y, thức ăn chăn nuôi. Ban hành 121 quyết định xử lý vi phạm hành chính, thu về ngân sách khoảng 8,4 tỷ đồng.

6.3. Phạm pháp hình sự:

Trong 3 tháng đầu năm, ghi nhận xảy ra 893 vụ phạm pháp hình sự, giảm 19,19% (-212 vụ) so với cùng kỳ, làm chết 29 người, bị thương 94 người, thiệt hại tài sản khoảng 15 tỷ đồng. Trong đó có 08 loại án được kéo giảm gồm: Cướp tài sản (-01 vụ); Hiếp dâm (-01 vụ); Cưỡng đoạt tài sản (-07 vụ); Cố ý gây thương tích (-50 vụ); Chống người thi hành công vụ (-07 vụ); Trộm tài sản (-166 vụ); Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (-03 vụ) và các án khác (-04 vụ). Tuy nhiên, có 03 loại án tăng gồm: Giết người (+04 vụ); Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (+01 vụ) và Cướp giật tài sản (+23 vụ).

Về cơ cấu tội phạm, chiếm tỷ lệ cao nhất vẫn là các loại án xâm phạm sở hữu tài sản xảy ra 754 vụ, chiếm 84,43%; án xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm xảy ra 104 vụ, chiếm 11,65% và các án khác xảy ra 35 vụ, chiếm 3,92%.

Số vụ phạm pháp hình sự: khám phá 649 vụ (đạt tỷ lệ 72,67%), bắt 717 tên; đã triệt phá 110 băng nhóm, bắt 261 đối tượng phạm pháp hình sự.

6.4. Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

– Ma túy: đã khám phá 362 vụ, bắt 683 tên có hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 315 vụ, 399 bị can, xử phạt hành chính 47 vụ, bắt 284 đối tượng.

– Mại dâm và tệ nạn xã hội khác: đã lập biên bản 09 trường hợp kinh doanh không phép, hoạt động quá giờ, sử dụng tiếp viên không hợp đồng của các cơ sở dịch vụ giải trí, ...; xử lý 25 vụ, 72 đối tượng tổ chức hoạt động mại dâm.

– Cờ bạc, cá độ: xử lý 90 vụ, 500 đối tượng tổ chức đánh bạc ăn tiền, thu khoảng 1,7 tỷ đồng và nhiều công cụ, phương tiện khác.

6.5. Trật tự an toàn giao thông:

Tai nạn giao thông đường bộ: xảy ra 913 vụ, làm chết 182 người, bị thương 638 người; trong đó 183 vụ từ ít nghiêm trọng trở lên tăng 3,98% (+07 vụ) so với

cùng kỳ, làm chết 182 người (+32 người), làm bị thương nặng 48 người (-21 người) và 730 vụ va chạm, làm bị thương nhẹ 590 người, hư hỏng 1.416 xe các loại.

Tai nạn giao thông đường thủy: kiểm tra và phát hiện 7.841 trường hợp vi phạm, ra quyết định xử phạt thu về ngân sách khoảng 1,2 tỷ đồng.

Tai nạn giao thông đường sắt: không xảy ra vụ tai nạn nào.

6.6. Về tình hình cháy, nổ:

– **Tình hình cháy:** đã xảy ra 119 vụ cháy (trong đó, xảy ra 04 vụ cháy lớn và 01 vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng) giảm 57,19% (-159 vụ so với cùng kỳ) làm chết 02 người, bị thương 04 người (giảm 05 người chết, giảm 09 người bị thương), thiệt hại tài sản ước tính khoảng 630 triệu đồng. Địa bàn xảy ra cháy nhiều nhất: huyện Bình Chánh (chiếm 13/119 vụ, tỷ lệ 10,92%); đối tượng xảy ra cháy nhiều nhất: nhà ở đơn lẻ (chiếm 45/119 vụ, tỷ lệ 37,82%); nguyên nhân gây ra cháy phổ biến nhất: sự cố hệ thống, thiết bị điện (chiếm 48/73 vụ cháy đã điều tra làm rõ nguyên nhân, tỷ lệ 65,75%).

– **Tình hình nổ:** không xảy ra.

7. Kết quả giải quyết việc làm

Trong 02 tháng đầu năm, đã có 48.165 lượt người được giải quyết việc làm, đạt 16,06% so với kế hoạch; số chỗ việc làm mới tạo ra là 18.821 chỗ làm mới, đạt 14,48% so với kế hoạch. Ước trong quý 1, các thành phần kinh tế thu hút 72.900 lượt lao động vào làm việc (đạt 24,30% so với kế hoạch); số việc làm mới tạo ra là 30.036 chỗ (đạt 23,10% so với kế hoạch).

8. Tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Ước quý 1 năm 2018, trên địa bàn thành phố có 20.479 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp; 21.164 người nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; 53.558 lượt lao động thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm (trong đó, 4.438 lao động thất nghiệp nhận được việc làm); 3.763 người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp có quyết định hỗ trợ học nghề.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh tháng 3 và quý I năm 2018.